

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư
Hợp phần khu tưới Văn Phong,
Dự án thủy lợi Hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định
(Phần việc do UBND tỉnh Bình Định làm Chủ đầu tư)**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về Quản lý đầu tư xây dựng công trình; số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/02/2009 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 2869/QĐ-BNN-XD ngày 28/09/2007 phê duyệt Dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 1388/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009 phê duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 1896/QĐ-BNN-XD ngày 09/7/2010 phê duyệt Điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình; số 2454/QĐ-BNN-XD ngày 19/10/2011 phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư công trình đầu mối hồ chứa nước Định Bình, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định: số 2559/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, Kênh chính và công trình trên kênh chính, Kênh cấp 1 trở xuống và công trình trên kênh cấp 1 trở xuống (đoạn từ Km0 đến Km17 của kênh chính), hạng mục Hệ thống kênh tưới Văn Phong; số 3332/QĐ-CTUBND ngày 31/12/2009 phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, Kênh cấp 1 trở xuống và công trình trên kênh cấp 1 trở xuống (Đoạn từ Km17 đến cuối kênh của kênh chính), 03 Trạm bơm điện và kênh tưới của 03 Trạm bơm điện, hạng mục Hệ thống kênh tưới Văn Phong; số 1450/QĐ-CTUBND ngày 17/7/2012 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, hạng mục Hệ thống kênh tưới Văn Phong, Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi Hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt kế hoạch đấu thầu, giá gói thầu các hạng mục công trình thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và Giám đốc Ban QLDA Hệ thống Kênh tưới Văn Phong, phê duyệt thiết kế BVTC và dự

toán các hạng mục công trình thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 2978/BNN-XD ngày 16/9/2009 về việc triển khai các hạng mục do UBND tỉnh Bình Định làm chủ đầu tư thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 4328/BNN-XD ngày 28/12/2010 về việc triển khai thực hiện xây dựng Cống qua đường sắt thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 4330/BNN-XD ngày 28/12/2010 về việc xác định hình thức hợp đồng đối với các gói thầu xây lắp phần công trình nội đồng thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 1120/BNN-XD ngày 19/4/2012 về việc chủ trương giải quyết một số vướng mắc liên quan đến Hợp phần khu tưới Văn Phong; số 1484/BNN-XD ngày 06/5/2013 về việc triển khai kéo dài kênh chính Văn Phong, thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định;

Căn cứ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung DADT Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định do Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP lập kèm theo,

UBND tỉnh Bình Định kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định (Phần việc do UBND tỉnh Bình Định làm chủ đầu tư), với các nội dung sau:

I. Nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung:

Dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi Hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 2869/QĐ-BNN-XD ngày 28/9/2007, trong đó TMDT phê duyệt dựa trên khối lượng thiết kế cơ sở và giá thời điểm Quý III/2007. Đến nay qua hơn 6 năm triển khai thực hiện, công trình đã có một số điều chỉnh, bổ sung về hạng mục và khối lượng được Bộ cho phép; sự biến động về giá, chế độ chính sách của Nhà nước từ khi phê duyệt TMDT đến nay; đồng thời việc khó khăn về vốn đầu tư trong những năm gần đây, công trình phải giãn tiến độ đã làm tăng TMDT.

Trong quá trình triển khai thi công các hạng mục công trình thuộc Hợp phần khu tưới Văn Phong, lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT và Cục Quản lý XDCT đã kiểm tra thực tế thi công công trình. Qua đó, Bộ đã đồng ý cho bổ sung điều chỉnh một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu thực tế thi công và phục vụ thi công của công trình.

II. Nội dung chính điều chỉnh, bổ sung:

1. Tên Hợp phần: Khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định,

2. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận các huyện Tây Sơn, Phù Cát, An Nhơn, Vĩnh Thạnh và một phần thành phố Quy Nhơn.

- 3. Cấp Quyết định đầu tư:** Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- 4. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- 5. Hình thức đầu tư:** Xây dựng mới.
- 6. Mục tiêu đầu tư điều chỉnh, bổ sung:** Hoàn thiện công trình.
- 7. Nội dung và quy mô đầu tư đầu tư xây dựng các hạng mục công trình công trình điều chỉnh, bổ sung như sau:**

7.1. Phần điều chỉnh:

7.1.1. Hạng mục Hệ thống tưới Văn Phong:

- Hạng mục Hệ thống kênh tưới Văn Phong:

Dẫn nước tưới và cung cấp nước cho 10.336 ha, trong đó: Hệ thống kênh tưới Văn Phong tưới và cung cấp nước cho 10.125ha (Tưới tự chảy 6.844 ha, tưới tạo nguồn 1.518 ha cho các xã Bình Thành, TT Phú Phong, Bình Hòa, Bình Thuận, Tây An, Tây Vinh, Tây Bình huyện Tây Sơn; xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn; xã Cát Hiệp, Cát Trinh, TT Ngô Mỹ, Cát Tân, Cát Tường, Cát Nhơn huyện Phù Cát, dẫn nước tạo nguồn cho lưu vực sông La Tinh 300 ha và bổ sung tạo nguồn cung cấp nước cho các khu công nghiệp trên địa bàn tương đương với lưu lượng tưới 1.463ha (khu công nghiệp Cát Trinh, Trung tâm nhiệt điện Cát Khánh...); 03 trạm bơm lấy nước trực tiếp từ sông Kôn tưới tự chảy cho 211 ha đất canh tác của các xã Nhơn Hậu, Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hạng mục Đê bao thượng lưu Đập dâng Văn Phong: Không thực hiện (Theo Quyết định số 1388/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định).

7.1.2. Hạng mục Hệ thống kênh tưới Vĩnh Thạnh:

Lấy nước từ hồ chứa nước Định Bình qua cống Vĩnh Thạnh đã được xây dựng cùng với công trình đầu mối, tưới cho 969 ha đất canh tác thuộc các xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Quang và thị trấn Vĩnh Thạnh huyện Vĩnh Thạnh và xã Tây Thuận huyện Tây Sơn, đường ống cấp nước sinh hoạt cho 25.410 người dân khu trung tâm huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

7.1.3. Hạng mục Hệ thống tưới Hà Thanh:

Gồm một trạm bơm và hệ thống kênh lấy nước từ dòng chảy cơ bản của sông Kôn và nguồn điều tiết từ hồ Định Bình để tưới tự chảy cho 194 ha đất canh tác của phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

7.1.4. Lý do điều chỉnh:

Diện tích tưới của từng hệ thống kênh giảm so với dự án được duyệt là 676ha, trong đó Hệ thống kênh tưới Văn Phong giảm 479ha, hệ thống kênh tưới Vĩnh Thạnh giảm 78ha và hệ thống tưới Hà Thanh giảm 119ha. Diện tích tưới giảm do một số diện tích tưới trùng với diện tích tưới của các công trình thủy lợi

hiện có và một số diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất.

7.2. Phần bổ sung:

7.2.1. Hạng mục Nâng cấp chống ngập đường phía thượng lưu đập dâng Văn Phong:

Nâng cấp chống ngập đoạn đường QL19 phía thượng lưu đập dâng Văn Phong (Từ lý trình KM48 + 520 – KM49 + 260, dài 740m), có cao trình hiện trạng mặt đường (từ 26.39m – 27.43m) bị ảnh hưởng sau khi xây dựng đập dâng Văn Phong.

Hạng mục này nhằm thay thế một phần hạng mục Đê bao thượng lưu Đập dâng Văn Phong không thực hiện và đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT đồng ý bổ sung tại Văn bản số 2978/BNN-XD ngày 16/9/2009, kèm theo Báo cáo số 1530/BC-XD-TĐ ngày 16/9/2009 của Cục Quản lý xây dựng công trình.

7.2.2. Hạng mục Hệ thống tưới bờ phải đập dâng Văn Phong:

Nhiệm vụ lấy nước từ cống bờ phải đập dâng Văn Phong tưới tự chảy cho 110 ha đất canh tác bên phải đập dâng có cao trình dưới +24.50m, thuộc địa phận xã Bình Tường và TT Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Hạng mục này đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT đồng ý bổ sung tại Quyết định số 1388/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009, phê duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định.

8. Quy mô và thông số kỹ thuật chủ yếu các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung như sau:

8.1. Phần điều chỉnh:

8.1.1. Hạng mục Hệ thống tưới Văn Phong:

a. Kênh chính:

- Lưu lượng thiết kế đầu kênh QTK = 16,62 m³/s
- Chiều dài 33,05km, mặt cắt hình thang, gia cố bằng BTM20 đổ tại chỗ và tẩm lát BTCT M20 dày 10cm, chiều rộng đáy B_{đáy TK} = 5,50m, cột nước thiết kế H_{TK} = 2,55m, hệ số mái m=1,0.

- Công trình trên kênh chính: 221 công trình gồm 18 cầu ô tô, 31 cầu thô sơ loại I, 20 cầu thô sơ loại II, 28 cống lấy nước đầu kênh, 77 cống tiêu, 10 cống luân tưới, 07 cống điều tiết, 07 Xi phong, 09 tràn ra, 04 tràn ra kết hợp cống tiêu, 02 tràn băng, 06 tràn vào, 01 cầu máng, 01 cống cuối kênh.

b. Kênh cấp I: 22 kênh, tổng chiều dài 85,38km, mặt cắt chữ nhật bằng BTM20. Có 1.060 công trình trên kênh gồm: 537 cống tưới, 116 cống qua đường, 70 cầu thô sơ, 01 cầu ô tô, 92 cống tiêu, 67 cống đầu kênh, 23 xi phong,

31 tràn vào tràn ra, 04 cầu máng, 14 tràn băng, 33 kênh máng, 05 cống điều tiết, 01 cống xả đáy, 53 hố ga, 13 cống cuối kênh.

c. Kênh vượt cấp: 07 kênh, tổng chiều dài 6,75km, mặt cắt chữ nhật bằng BTM20. Có 96 công trình trên kênh gồm: 59 cống tưới, 07 cống qua đường, 05 cầu thô sơ, 06 cống tiêu, 02 cống đầu kênh, 02 xi phông, 02 tràn vào tràn ra, 04 kênh máng, 04 hố ga, 05 cống cuối kênh.

d. Kênh cấp II: 75 kênh, tổng chiều dài 61,73km, mặt cắt chữ nhật bằng BTM20, Có 853 công trình trên kênh gồm: 555 cống tưới, 50 cống qua đường, 43 cầu thô sơ, 75 cống tiêu, 05 cống đầu kênh, 17 xi phông, 09 tràn vào tràn ra, 02 cầu máng, 05 tràn băng qua kênh, 18 kênh máng, 01 cống điều tiết, 10 hố ga, 63 cống cuối kênh.

đ. Kênh cấp III: 05 kênh bằng BTM20, tổng chiều dài 3,96km, có 56 công trình trên kênh gồm: 32 cống tưới, 07 cống qua đường, 03 cầu thô sơ, 07 cống tiêu, 01 xi phông, 01 cầu máng, 01 kênh máng, 04 cống cuối kênh.

e. Trạm bơm tưới: 03 trạm gồm Trạm số 1 có $Q_{TK} = 1000,8 \text{ m}^3/\text{h}$, Trạm số 2 có $Q_{TK} = 482 \text{ m}^3/\text{h}$, Trạm số 3 có $Q_{TK} = 248 \text{ m}^3/\text{h}$ đặt tại các thôn Thiết Trụ, Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, các xã Nhơn Hậu và thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành huyện An Nhơn. Hệ thống kênh tưới của 03 trạm bơm gồm: 06 kênh, tổng chiều dài 7,48 km, mặt cắt chữ nhật, bằng BTM20. Có 101 công trình trên kênh gồm: 88 cống chia nước, 03 cống qua đường, 02 cầu thô sơ, 02 cống tiêu, 01 cống đầu kênh, 01 cống điều tiết, 04 cống cuối kênh.

8.1.2. Hạng mục Hệ thống kênh tưới Vĩnh Thạnh:

a. Kênh chính:

- Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK} = 1,297 \text{ m}^3/\text{s}$
- Chiều dài: 17,41km, mặt cắt chữ nhật, bằng BTM20.
- Kích thước mặt cắt ngang: đầu tuyến $b \times h = (2,0 \times 1,3) \text{ m}$; cuối tuyến $b \times h = (1,2 \times 0,8) \text{ m}$.
- Công trình trên kênh chính: 239 công trình bằng BTM20 và BTCTM20 gồm: 19 cống đầu kênh, 06 cụm chia nước, 03 cụm điều tiết, 68 cống tiêu, 64 cầu qua kênh; 02 cầu máng, 02 Xi phông, 13 kênh máng, 10 tràn ra kênh, 48 ống lấy nước, 04 hố thăm, 01 ống thép vượt kênh.

b. Kênh cấp I và kênh vượt cấp: 25 kênh, tổng chiều dài 12,03km, bằng BTM20. Có 120 công trình trên kênh gồm: 09 cống đầu kênh, 03 cống cuối kênh, 03 cống qua đường, 03 cụm chia nước, 06 cống tiêu, 17 cầu qua kênh, 02 Xi phông, 01 cầu máng, 02 hố thăm, 72 ống lấy nước, 01 dốc nước, 01 máng tiêu.

c. Kênh cấp II trở xuống: 12 kênh, bằng BTM20, tổng chiều dài 4,39km. Có 45 công trình trên kênh gồm: 08 cầu qua kênh, 06 cống tiêu, 23 ống lấy nước, 03 cụm chia nước, 03 cống cuối kênh, 02 cống qua đường.

d. Đường ống cấp nước sinh hoạt: Lấy nước từ cống Vĩnh Thạnh đến trung tâm huyện lỵ Vĩnh Thạnh, tổng chiều dài 6,28km, đường kính ống $\Phi 300$.

8.1.3. Hạng mục Hệ thống kênh tưới Vĩnh Hiệp:

a. Kênh chính:

- Lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,54 \text{ m}^3/\text{s}$
- Chiều dài: 12,15km, mặt cắt chữ nhật, bằng BTM20. Kích thước mặt cắt ngang: đầu tuyến $b \times h = (1,1 \times 1,35)\text{m}$; cuối tuyến $b \times h = (0,6 \times 0,9)\text{m}$. Có 114 công trình trên kênh gồm: 17 cống đầu kênh, 11 cụm chia nước, 43 cống tiêu, 03 cụm điều tiết, 14 cầu qua kênh, 05 cầu máng, 09 kênh máng, 07 tràn ra kênh, 03 tràn qua kênh, 02 cống qua đường.

b. Kênh cấp I: 17 kênh, tổng chiều dài 7,30km, bằng BTM20. Có 112 công trình trên kênh gồm: 01 hồ van điều tiết, 01 dốc nước, 84 cống chia nước, 08 cống tiêu, 02 cụm điều tiết, 02 cầu qua kênh, 01 tràn vào kênh, 03 tràn qua kênh, 09 cống qua đường, 01 Xi phong.

8.1.4. Hạng mục Hệ thống tưới Hà Thanh:

a. Trạm bơm điện: Lấy nước từ sông Kôn vào kênh chính.

- Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK} = 0,44 \text{ m}^3/\text{s}$
- Cao trình mực nước bể hút min: $\nabla_{BHmin} = 0.50 \text{ m}$
- Cao trình mực nước thiết kế bể xả: $\nabla_{BXTK} = 5.88\text{m}$

b. Kênh chính:

- Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK} = 0,44 \text{ m}^3/\text{s}$
- Chiều dài kênh chính: 2,82km, mặt cắt chữ nhật, bằng BTM20. Kích thước mặt cắt ngang: đầu tuyến $b \times h = (1,1 \times 1,0)\text{m}$; cuối tuyến $b \times h = (0,8 \times 0,8)\text{m}$. Có 48 công trình trên kênh gồm: 06 cống đầu kênh, 06 cống tiêu, 08 cầu qua kênh, 01 Xi phong, 05 tràn ra kênh, 20 cống chia nước, 01 cụm điều tiết, 01 kênh tiêu cuối kênh.

c. Kênh cấp I: 08 kênh, tổng chiều dài 3,89km, bằng BTM20. Có 78 công trình trên kênh gồm: 02 cống đầu kênh, 51 cống chia nước, 05 cống qua đường, 01 cửa điều tiết, 07 cống tiêu, 02 cầu qua kênh, 02 Xi phong, 08 chi tiết cuối kênh.

d. Kênh cấp II: 01 kênh, tổng chiều dài 0,09km, bằng BTM20. Có 02 công trình trên kênh gồm: 01 cống chia nước, 01 chi tiết cuối kênh.

8.1.5. Lý do điều chỉnh:

- Đối với từng hệ thống kênh:
 - + Lưu lượng thiết kế được tính toán kiểm tra, chính xác hóa trong giai đoạn TKKT&BVTC.
 - + Tuyến kênh và chiều dài kênh từng tuyến được bố trí cho phù hợp với thực tế hiện trường nơi có tuyến kênh đi qua, tình hình thực tế triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và giải quyết tiêu úng, chống lũ cho khu dân cư.
 - + Công trình trên kênh: Rà soát bố trí cho phù hợp với địa hình và hiện trạng hạ tầng tuyến kênh đi qua.
 - + Thay đổi kết cấu kênh từ BTM15 thành BTM20: Để phù hợp với thực tế, đảm bảo chất lượng, tăng khả năng chống thấm và ổn định lâu dài cho công trình.

- Riêng Kênh chính Văn Phong: Đối với các đoạn kênh đào qua vùng có mực nước ngầm xuất hiện cao; các đoạn kênh có mái kênh đào qua lớp cao lanh, cát chảy, nước từ mái thấm ra và chảy thành dòng, biện pháp thi công bê tông đổ tại chỗ không thực hiện được, điều chỉnh hình thức gia cố mái kênh từ hình thức BTM20 đổ tại chỗ sang tấm BTM20 đúc sẵn có cốt thép cấu tạo, lát gia cố mái kênh. Những đoạn kênh đào có địa chất không ổn định, bổ sung gia cố mái trên bờ kênh bằng tấm BTM20 đúc sẵn, lát để chống sạt lở mái.

8.2. Phần bổ sung:

8.2.1. Hạng mục Nâng cấp chống ngập đường phía thượng lưu đập dâng Văn Phong:

- Chiều dài xây dựng 740m. Điểm đầu tuyến tại lý trình Km48+520, điểm cuối tuyến tại lý trình Km49+260
- Cao trình mặt đường đoạn thấp nhất: 27.50m
- Bề rộng nền đường: 15,0m
- Bề rộng mặt đường: 7,0m
- Bề rộng gia cố lề đường: $(2 \times 2) = 4\text{m}$
- Kết cấu mặt đường BTN: Lớp BTN C12.5 dày 5cm, lớp BTN C19 dày 7cm, lớp CPĐD loại I Dmax = 25mm dày 17cm, lớp CPĐD loại I Dmax = 37,5mm dày 18cm.
- Nền đường: Đất CPĐ, lớp trên cùng đầm chặt K98 dày 50cm, lớp dưới đầm chặt K $\geq$ 95; phần lề đường bên phải theo hướng tuyến mở rộng 3m;
- Các công trình thoát nước cũ nối dài bằng chiều rộng nền đường, kết cấu bằng ống cống BTLT H30 và BTM15.
- Gia cố mái phía sông bằng BT và BTCTM20.

8.2.2. Hạng mục Hệ thống tưới bờ phải đập dâng Văn Phong:

a. Kênh chính:

- Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK} = 0,16 \text{ m}^3/\text{s}$,
 - Chiều dài 2,76km bao gồm 02 đoạn: Đoạn 1 kênh ống thép, đường kính (700 – 600)mm, chiều dài 1,75km; đoạn 2 kênh mặt cắt hình chữ nhật bằng BTM20, chiều dài 1,01km, kích thước mặt cắt ngang $b \times h = (0,8 \times 0,8)\text{m}$. Có 17 công trình trên kênh chính gồm: 01 cống tiêu, 03 cống qua đường, 01 cầu máng, 02 tràn ra kênh, 09 cống chia nước, 01 cụm điều tiết.

b. Kênh nội đồng: 02 kênh, bằng BTM20, tổng chiều dài 3,67km. Có 52 công trình trên kênh gồm: 25 cống chia nước, 09 cống qua đường, 12 cống tiêu, 01 xi phông, 01 cầu máng, 02 tràn ra kênh, 02 cống cuối kênh.

9. Khối lượng chính sau khi điều chỉnh, bổ sung:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng DADT đã duyệt	Khối lượng DADT điều chỉnh
1	Đất đá đào	m3	2.848.424	2.796.137
2	Đất đắp	m3	1.448.123	1.777.667
3	Bê tông các loại	m3	282.866	289.085
4	Đá xây, lát các loại	m3	30.607	4.689
5	Dăm, sỏi, cát	m3	468	8.015

10. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

- Kinh phí TMĐT điều chỉnh: **1.645.213.356.000 đồng**

(Bằng chữ: Một ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ, hai trăm mười ba triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	1.213.930.208.000 đồng
+ Chi phí thiết bị cơ, điện:	10.090.519.000 đồng
+ Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư:	233.529.842.000 đồng
+ Chi phí Quản lý dự án:	12.481.121.000 đồng
+ Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	32.004.591.000 đồng
+ Chi phí khác:	16.562.228.000 đồng
+ Chi phí dự phòng:	126.614.847.000 đồng
- Kinh phí TMĐT đã được phê duyệt:	879.773.396.000 đồng
- Kinh phí đề nghị điều chỉnh tăng:	765.439.960.000 đồng

11. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trước 31/12/2017.

Các nội dung trên đây được điều chỉnh khoản 9 về Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng, khoản 11 về Phương án xây dựng, khoản 13 về khối lượng chính, khoản 15 về Đền bù, di dân, tái định cư, khoản 17 về TMĐT và nguồn vốn, khoản 19 về thời gian thực hiện dự án, tại Điều 1 Quyết định số 2869/QĐ-BNN-XD ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, phê duyệt Dự án đầu tư Hợp phần khu tưới Văn Phong, Dự án thủy lợi hồ chứa nước Định Bình, tỉnh Bình Định. Các nội dung khác của Quyết định số 2869/QĐ-BNN-XD giữ nguyên không thay đổi.

Hồ sơ kèm theo:

- Báo cáo điều chỉnh, bổ sung DADT và các PL kèm theo;
- Hồ sơ điều chỉnh DADT do Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP lập.

UBND tỉnh Bình Định kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban QLDA HTKT Văn Phong;
- Lưu VT, K10. 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Thu Hà